

**CÔNG TY
CÓ PHẦN CẮT LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *206* /CPCL-TCKT
Vụ Công bố thông tin.

TP. Hồ Chí Minh, ngày *18* tháng *04* năm *2022*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẮT LỢI.
- Mã chứng khoán: C1C
- Địa chỉ trụ sở chính: 934D2 Đường D, KCN Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
- Điện thoại: (028) 37421118.
- Fax: (028) 37420923.
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Hoàng Minh.
- Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2021 (đính kèm).

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế. Không có

Lý do: Không có

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày

18 /04/2022 tại đường dẫn: <http://www.cotloi.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: V1, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 04/2022

MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung	2
1. <i>Thông tin khái quát</i>	2
2. <i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	2
3. <i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i>	3
4. <i>Định hướng phát triển</i>	3
5. <i>Các rủi ro</i>	4
II. Tình hình hoạt động trong năm	5
1. <i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	5
2. <i>Tổ chức và nhân sự</i>	5
3. <i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</i>	7
4. <i>Tình hình tài chính</i>	7
5. <i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	9
6. <i>Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty</i>	10
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	13
1. <i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	13
2. <i>Tình hình tài chính</i>	17
3. <i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</i>	18
4. <i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i>	19
5. <i>Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán</i>	21
6. <i>Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty</i>	21
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	22
1. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</i>	22
2. <i>Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty</i>	23
3. <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</i>	24
V. Quản trị Công ty	25
1. <i>Hội đồng quản trị</i>	25
2. <i>Ban kiểm soát</i>	31
3. <i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát</i>	34
VI. Báo cáo tài chính	36
1. <i>Ý kiến kiểm toán</i>	36
2. <i>Báo cáo tài chính được kiểm toán</i>	38

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI Năm 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cát Lợi.
- Công ty đang hoạt động theo giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
- Vốn điều lệ: 262.075.830.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 262.075.830.000 VND.
- Địa chỉ: 934 D2 Đường D, Khu CN Cát Lái (Cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp Thủ Đức, Tp HCM.
- Số điện thoại: 028.37421118
- Số fax: 028.37420923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã cổ phiếu: CLC
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Công ty Cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 vào ngày 10/12/2021 với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
 - Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18 tháng 10 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: In bao bì, sản xuất cây dầu lọc và phụ liệu thuốc lá.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các Công ty sản xuất thuốc lá điếu trong cả nước từ Bắc tới Nam và xuất khẩu.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban Giám đốc.
- Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.
- Các cán bộ quản lý.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Giám đốc.
- Phòng Tổ chức hành chính.
- Phòng Tài chính kế toán.
- Phòng Kế hoạch vật tư.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Kỹ thuật.
- Kho.
- Phân Xưởng in.
- Phân Xưởng Cây đầu lọc.

c. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Phát triển bền vững, giữ vững là Công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhân in, giấy sếp, cây đầu lọc;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;
- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và thu nhập của cán bộ công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng;
- Sản phẩm của Công ty luôn có ưu thế cạnh tranh, được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất nhằm giảm sự tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị lọc lõi giấy sập, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị sản xuất đầu lọc Capsules, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì... Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Lựa chọn các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như mua bán, sát nhập doanh nghiệp, liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các Công ty con tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững.

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường; tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.
- Tham gia các chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội, cộng đồng.

5. Các rủi ro

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng không tốt, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng thuốc của các nhà máy sản xuất thuốc điếu và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản phẩm sản xuất của Công ty;
- Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên toàn cầu ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên vật liệu và tiêu thụ các sản phẩm của Công ty;

- Tình hình quan hệ giữa Nga và Ukraine nói riêng, cũng như quan hệ giữa Nga với các nước phương tây và Mỹ nói chung đang diễn ra căng thẳng ảnh hưởng đến tình hình kinh tế thế giới, qua đó ảnh hưởng đến nguồn cung cũng như giá nguyên vật liệu nhập khẩu của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh (%)	
				TH-2021/ TH-2020	TH-2021/ KH-2021
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.904.435	1.800.000	2.150.049	112,90	119,45
2. Lợi nhuận trước thuế	161.480	140.000	169.696	105,09	121,21
3. Lợi nhuận sau thuế	128.948	112.000	135.421	105,02	120,91

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2021 đạt 2.150 tỷ đồng tương ứng 119,45% so với kế hoạch năm và đạt 112,90% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 135,42 tỷ đồng tương ứng 120,91% so với kế hoạch năm và đạt 105,02% so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Nguyễn Hoàng Minh	
+ Giới tính:	Nam
+ Ngày tháng năm sinh:	12/10/1980
+ Nơi sinh:	TP. Hồ Chí Minh
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Không.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	6.710 CP, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

2. Ông Nguyễn Đức Hạnh + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 01/01/1974 TP. Hồ Chí Minh Việt Nam Kỹ sư Chế tạo máy. Phó Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ ngày 27/05/2021). Không. 22.830 CP, chiếm 0,09% vốn điều lệ.
3. Ông Liêu Phước Tính + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 20/10/1985 Trà Vinh Việt Nam Cử nhân Kinh tế. Kế toán trưởng. Không. 39 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Từ 27/05/2021 Ông Nguyễn Đức Hạnh được bầu vào Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thay thế cho Ông Huỳnh Nam;

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2021 (người)
1. Trên đại học (Thạc sĩ)	2
2. Đại học	75
3. Cao đẳng	14
4. Trung cấp	48
5. Trung học dạy nghề	68
6. Lao động phổ thông	101
Tổng cộng :	308

- Công ty đã áp dụng Quy chế Phân phối tiền lương, thù lao; Quy chế Phân phối tiền thưởng để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại

hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định, mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm... được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, đào tạo được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2021, Công ty tiếp tục triển khai dự án “Đầu tư 02 máy sản xuất cây đầu lọc, tốc độ 500 mét/ phút, mới 100%” đã được Hội đồng quản trị phê duyệt năm 2020. Dự kiến các thiết bị mới này sẽ được lắp đặt và đưa vào sử dụng trong năm 2022.

- Các dự án đầu tư của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật nhà nước.

b. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
+ Tổng giá trị tài sản	911.619.959.485	1.050.169.038.970	15,20
+ Doanh thu thuần	1.899.749.410.421	2.142.096.427.823	12,76
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	161.049.408.328	168.931.009.200	4,89
+ Lợi nhuận khác	430.666.363	764.904.292	77,61
+ Lợi nhuận trước thuế	161.480.074.691	169.695.913.492	5,09
+ Lợi nhuận sau thuế	128.947.567.861	135.420.824.476	5,02
+ Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60,97%	58,06%	

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức thực hiện 2020 là 30%/vốn điều lệ (gồm 20% cổ tức đợt cuối năm 2019; 10% tạm ứng cổ tức năm 2020), Cổ tức thực hiện năm 2021 là 30%/vốn điều lệ (gồm 20% cổ tức đợt cuối năm 2020 và 10% tạm ứng cổ tức năm 2021).

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Mã số 100/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	4,65	3,65	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Mã số (100-140)/310) Bảng cân đối kế toán	"	1,33	0,99	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	19,85	26,30	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	"	24,77	35,68	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay Hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,72	2,78	
+ Vòng quay Tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	"	1,96	2,18	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,79	6,32	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	"	17,65	17,50	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	"	14,14	12,90	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	"	8,48	7,89	

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của Công ty đạt 3,65 lần và lớn hơn 1 cho thấy Công ty vẫn đáp ứng tốt khả năng thanh toán ngắn hạn.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần năm 2021 đạt 7,89%.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần tại 31/12/2021:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 26.207.583 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu phổ thông: 26.207.583 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu ưu đãi, khác: - cổ phiếu.
- + Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do: 26.207.583 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: - cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 26/11/2021:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	930	25.700.117	98,06
1	Cổ đông lớn (> 5%)	2	15.038.620	57,38
2	Công đoàn	1	7.177	0,03
3	Cổ đông khác	927	10.654.320	40,65
	Người nội bộ Công ty	5	65.997	0,25
	Cá nhân	893	9.507.164	36,28
	Tổ chức trong nước	29	1.081.159	4,12
II.	Nước ngoài	70	507.466	1,94
1	Cá nhân	53	87.346	0,34
2	Tổ chức	17	420.120	1,60
	Tổng cộng	1.000	26.207.583	100,00

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	83A Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	13.366.080	51,00%

2	Cty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Khu CN Vĩnh Lộc, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, HCM	1.672.540	6,38%
	Tổng cộng		15.038.620	57,38%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động đến môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không phát thải các khí nhà kính (hơi nước, CO₂, CH₄, N₂O, O₃, các khí CFC...)

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không sử dụng các thiết bị phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm.

- Trong năm 2021 Công ty sử dụng 30.120 tấn nguyên vật liệu chính để đưa vào sản xuất, trong đó: giấy các loại 19.190 tấn; Sợi tow các loại 7.384 tấn; mực các loại 279 tấn; và các nguyên vật liệu chính khác 3.267 tấn.

- Các nguyên vật liệu được Công ty sử dụng đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện và sử dụng dầu diesel cho một số xe nâng hàng với điện năng tiêu thụ năm 2021 là 9.704.057 kwh và dầu diesel 24.073 lít.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Trong năm 2021 Công ty tiết kiệm được 45.864 kwh điện năng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã thực hiện trong năm 2021	
<i>Nội dung giải pháp</i>	<i>Kết quả tiết kiệm (KWh/năm)</i>
Thay tôn lạnh bằng tôn lấy sáng để tận dụng ánh sáng mặt trời tiết kiệm điện năng chiếu sáng.	23.400
Thay thế đèn compact 50W và lắp thêm đèn Led 150W để tăng độ chiếu sáng cho kho chứa và đồng thời sử dụng đèn Led tiết kiệm điện năng.	22.464
Tổng cộng	45.864

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Công ty sử dụng nguồn nước thủy cục được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2.

- Lượng nước trong năm 2021 Công ty đã sử dụng là 26.660 m³.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. 0%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không lần.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 308 người với mức lương vị trí công việc trung bình trong năm 2021 đạt 11.943.500 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Với quan điểm nhân lực là một yếu tố vô cùng quan trọng quyết định sự thành công của Công ty, vì vậy Công ty liên tục thực hiện các giải pháp để cải thiện môi trường làm việc nhằm bảo đảm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động của Công ty.



- Thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi cho người lao động như: Lương, thưởng, trợ cấp ốm đau, thai sản, hiếu, hi. Thực hiện các loại bảo hiểm theo luật định; Mua bảo hiểm tai nạn 24/24; khám sức khỏe định kỳ; tổ chức bữa ăn giữa ca; chăm lo các chế độ bồi dưỡng bổ sung, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Công ty đã thực hiện vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong năm 2021 Công ty thực hiện đào tạo tại đơn vị và bên ngoài đơn vị với tổng số giờ đào tạo bên ngoài là 1.044 giờ/năm, trung bình thời gian đào tạo dành cho một người là 22,21 giờ. Đối tượng đào tạo gồm cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên và công nhân trực tiếp sản xuất.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc tổ chức các khóa đào tạo bị hạn chế. Tuy nhiên, Công ty vẫn cố gắng tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng, chuyên môn phù hợp với tình hình, điều kiện hoạt động của Công ty để hỗ trợ người lao động đảm bảo làm việc hiệu quả và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Cũng như hàng năm, Công ty luôn có những chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội.

- Năm 2021, trước tình đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại Việt Nam, Công ty đã đóng góp vào Quỹ vắc xin phòng chống Covid 19 số tiền 3 tỷ đồng.

- Ngoài ra Công ty đã chi khoảng 813 triệu đồng, cho các hoạt động công tác xã hội khác gồm:

✚ Kết hợp với Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện chương trình phẫu thuật mắt cho người nghèo bị đục thủy tinh thể;

✚ Hỗ trợ chi phí tặng quà cho các hộ nghèo tại Tỉnh Quảng Bình và Tỉnh Lào Cai;

✚ Hỗ trợ kinh phí xây nhà tình nghĩa tại Tỉnh Hà Giang;

✚ Hỗ trợ kinh phí cải tạo trường học tại Tỉnh Nghệ An;

- Ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” tại địa phương.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh (%)	
				TH-2021/ TH-2020	TH-2021/ KH-2021
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	1.904.435	1.800.000	2.150.049	112,90	119,45
2. Lợi nhuận trước thuế	161.480	140.000	169.696	105,09	121,21
3. Lợi nhuận sau thuế	128.948	112.000	135.421	105,02	120,91
4. Sản lượng tiêu thụ					
+ Cây dầu lọc (Tr.Cây)	16.432	15.083	17.654	107,44	117,05
+ Giấy sáp các loại (Tân)	2.246	2.127	2.391	106,46	112,41
+ Nhãn in (Tr.Tờ)	2.366	2.458	2.632	111,24	107,08

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 đạt kết quả tốt so với kế hoạch, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra, và có sự tăng trưởng so với năm 2020, cụ thể:

- Tổng doanh thu đạt 119,45% kế hoạch; tăng 12,90% so với thực hiện năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 121,21% kế hoạch; tăng 5,09% so với thực hiện năm 2020.

- Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế trong nước nói riêng. Trong những tháng giữa và cuối năm 2021 dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ tại TP. HCM và các tỉnh phía Nam

làm ảnh hưởng đáng kể đến quá trình sản xuất và tiêu thụ của hầu hết các đơn vị trong và ngoài Tổng Công ty. Trước bối cảnh chung phải đối phó với dịch bệnh hết sức phức tạp thì việc duy trì hoạt động sản xuất là một việc làm rất khó khăn nhưng Công ty đã nỗ lực hết sức để đảm bảo các đơn hàng theo yêu cầu của khách hàng. Với năng lực sản xuất bị hạn chế do số lượng lao động bị nhiễm bệnh phải cách ly, chi phí các loại nguyên vật liệu tăng cao cộng với những khoản chi phí phát sinh do Covid làm cho hoạt động sản xuất của Công ty bị ảnh hưởng ít nhiều. Tuy vậy với sự quyết tâm đồng lòng của Ban Giám đốc cùng toàn thể CB-CNV, Công ty đã đạt được những kết quả tương đối tốt trong năm 2021.

- Công ty cũng đã chủ động tăng sản lượng dự trữ cho các khách hàng ở khu vực phía Bắc. Đồng thời với sự kiểm soát tốt việc nhập lậu thuốc lá của Chính phủ làm cho sản lượng tiêu thụ sản phẩm nội tiêu 03 nhóm sản phẩm chính của Công ty trong năm đều tăng so với cùng kỳ. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ của nhóm sản phẩm Cây đầu lọc đạt 117,0% và Giấy sếp đạt 112,4%, Nhân in đạt 107,1% so với kế hoạch năm và cả 03 nhóm đều tăng 7% - 11% so với cùng kỳ.

- Công ty đang tích cực khai thác thị trường nhằm cung cấp thêm các sản phẩm in nội tiêu cho các khách hàng trong nước, đây vẫn là hướng đi chủ yếu của Công ty trong tương lai gần, nhất là khi tình hình dịch bệnh vẫn còn chưa ổn định như hiện tại. Đối với thị trường xuất khẩu trực tiếp trong năm của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, sản lượng xuất khẩu giảm 32,7% so với cùng kỳ và năm 2021 chỉ đạt 54% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài dẫn đến việc khủng hoảng về container trầm trọng trên phạm vi toàn cầu, chi phí vận chuyển, giá nguyên vật liệu tăng cao, vận chuyển khó khăn làm ảnh hưởng mạnh đến giá thành sản phẩm. Vì vậy, khách hàng tạm hoãn các đơn hàng xuất khẩu.

- Trong năm 2021, Công ty đã triển khai thêm nhiều mẫu Cây đầu lọc than hoạt tính và cũng như Cây đầu lọc capsule cho các đơn vị thuốc lá điều để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao đối với sản phẩm có chất lượng tốt và ít độc hại hơn. Tuy nhiên chủ yếu vẫn là các sản phẩm cho thị trường xuất khẩu nên sản lượng đầu ra cho thị trường nội tiêu vẫn còn khiêm tốn.

- Sản phẩm CLC có tính cạnh tranh cao về giá cả, chất lượng và tính linh hoạt. Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng, với số lượng đặt hàng của những sản phẩm mới cùng với sự duy trì các mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng tiêu thụ của Công ty ở mức duy trì ổn định. Công ty cũng đã chuẩn bị nguồn lực về máy móc-thiết bị, chấp nhận sự cạnh tranh từ các Công ty tư nhân, Công ty nước ngoài ...

đáp ứng xu hướng phát triển sản phẩm của ngành thuốc lá trong những năm qua cũng như trong thời gian tới.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm có những thuận lợi và khó khăn sau:

➤ Thuận Lợi:

- Quá trình tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng được kỳ vọng sẽ tạo ra làn sóng hội nhập mạnh mẽ hơn đối với Việt Nam. Đồng thời, góp phần tạo kết nối và hòa nhập, tăng cường khả năng hợp tác với những nền kinh tế trọng điểm, thúc đẩy kích cầu hoạt động giao thương giữa Việt Nam với kinh tế thế giới.

- Sự kiên quyết tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu thuốc lá của Chính phủ góp phần giữ vững thị phần cho thuốc lá sản xuất trong nước, cùng với sự kiểm soát tốt việc xuất nhập tại các cửa khẩu làm cho thuốc lá lậu không thể bán được trong giai đoạn chống dịch đến nay.

- Tỷ giá ngoại hối trên thị trường tuy có biến động nhưng vẫn nằm trong dự kiến kế hoạch của Công ty, bên cạnh đó lãi suất ngân hàng trong những năm vừa qua duy trì ổn định thậm chí giảm trong năm 2021, đã tạo thuận lợi cho Công ty rất nhiều trong việc kiểm soát phát sinh chi phí tài chính. Các yếu tố trên đã góp phần tích cực trong việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên dự kiến năm 2022 sẽ có biến động về ngoại tệ đối với đồng USD do ảnh hưởng từ động thái kinh tế, chính trị toàn cầu do ảnh hưởng của nhiều khu vực đặc biệt là tình hình chiến sự tại Đông Âu.

- Hiện tại Công ty vẫn đang tiếp tục phát huy tối đa lợi thế công nghệ trong việc nâng cao chất lượng, đa dạng hóa chủng loại, mẫu mã các sản phẩm Cây đầu lọc và sản phẩm In. Với sự trang bị máy móc - thiết bị chuyên dụng hiện đại cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, Công ty đã phát triển những sản phẩm ở phân khúc thị trường có nhu cầu ngày càng cao, cụ thể Công ty đã ứng dụng sản xuất đầu lọc than hoạt tính và đầu lọc capsule, các loại đầu lọc này phù hợp với lộ trình giảm Tar và Nicotin đối với sản phẩm thuốc lá... đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn đối với sản phẩm phụ liệu có chất lượng tốt và giảm thiểu độc hại.

- Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, Công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng; với số lượng đặt hàng của những mặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng của Công ty luôn ở mức ổn định và tăng trưởng.

📌 **Khó khăn:**

- Do dịch bệnh Covid-19 kéo dài và vẫn còn đang diễn biến phức tạp làm cho một số mặt hàng nguyên vật liệu khan hiếm dẫn đến giá thành cao. Tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng nghiêm trọng đã diễn ra trên toàn thế giới và hệ quả là sự chậm trễ trong việc vận chuyển trong suốt thời gian vừa qua, đồng thời chi phí để vận chuyển cho một container hiện đã chạm mức cao kỷ lục kéo theo giá của mọi mặt hàng đều tăng. Bên cạnh đó là dấu hiệu về sự thiếu nguồn cung cho sản xuất đã xảy ra với một số mặt hàng nguyên liệu nhất định. Do đó, Công ty bắt buộc phải tăng cường dự trữ nguồn nguyên liệu vật tư, song song với đó sẽ làm phát sinh thêm chi phí lưu kho, lưu bãi container, đây là tình hình chung mà các doanh nghiệp đều gặp phải trong giai đoạn khó khăn này.

- Các sản phẩm thay thế xuất hiện ngày càng nhiều: thuốc lá điện tử, viên ngậm nicotin,.. thu hút được số lượng lớn đối tượng người tiêu dùng thay đổi thói quen từ bỏ thuốc lá truyền thống chuyển sang các sản phẩm hiện đại kể trên. Đây sẽ là một trong những rủi ro tiềm ẩn trong tương lai.

- Giá xăng dầu trong nước tăng hơn 40% so với đầu năm 2021 làm ảnh hưởng trực tiếp tới giá của một số mặt hàng, nhất là các mặt hàng vật tư dung môi, hóa chất liên quan đến ngành hóa dầu như triacetin, các loại bột màu, mực in, dung môi... Giá dầu thế giới sắp tới sẽ còn nhiều diễn biến khó lường.

- Trước những ảnh hưởng, tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức về giá cả, lạm phát, tài chính, ảnh hưởng đến triển vọng đầu tư, sản xuất, xuất nhập khẩu.. Cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại giữa các nước diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ... ảnh hưởng tới sức mua của người tiêu dùng.

- Thị trường thuốc lá trong nước gặp nhiều khó khăn trong năm qua và vẫn còn tiếp diễn trong thời gian tới trong khi thị trường xuất khẩu luôn tiềm ẩn rủi ro khi mà tình hình dịch bệnh trên thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, rất khó dự đoán nên sẽ gây nhiều khó khăn cho công tác kế hoạch, sản xuất.

- Sự cạnh tranh từ những nhà cung cấp khác trên thị trường, bao gồm cả các Công ty trong nước và Công ty nước ngoài đầu tư tại Việt Nam sẽ là khó khăn liên tục trong thời gian tới. Tuy nhiên, đây cũng là động lực để Công ty không ngừng phấn đấu và phát triển.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.006.965	839.016	167.949	20,02
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	61.971	55.820	6.151	11,02
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	202.818	173.377	29.441	16,98
IV. Hàng tồn kho	734.665	599.567	135.098	22,53
V. Tài sản ngắn hạn khác	7.511	10.252	(2.741)	(26,74)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	43.204	72.604	(29.400)	(40,49)
I- Các khoản phải thu dài hạn	1.500	-	1.500	-
II. Tài sản cố định	31.032	58.949	(27.917)	(47,36)
III. Tài sản dở dang dài hạn	255	187	68	36,36
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	8.844	(8.844)	(100,00)
V. Tài sản dài hạn khác	10.417	4.624	5.793	125,28
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.050.169	911.620	138.549	15,20

Tổng giá trị tài sản cuối năm 2021 đạt 1.050,17 tỷ tăng so với đầu năm 2021 15,20% tương ứng 138,55 tỷ, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 20,02% tương ứng 167,95 tỷ chủ yếu do:
 - + Hàng tồn kho tăng 22,53% tương ứng 135,10 tỷ do việc dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trước tình hình khan hiếm nguyên vật liệu cùng với việc tăng giá của nguyên vật liệu.
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 16,98% tương ứng 29,44 tỷ do các khoản công nợ chưa đến hạn thu hồi.
 - + Tiền và tương đương tiền tăng 11,02% tương ứng 6,15 tỷ.
 - + Tài sản ngắn hạn khác giảm 26,74% tương ứng 2,74 tỷ.
- Tài sản dài hạn giảm 40,49% tương ứng 29,40 tỷ chủ yếu do:

- + Việc khấu hao TSCĐ trong năm 2021 làm giảm 31,25 tỷ, đầu tư TSCĐ mới làm tăng 3,33 tỷ.
- + Các khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm 8,84 tỷ do Công ty đã thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
- + Tài sản dài hạn khác tăng 5,79 tỷ do việc tăng chi phí xuất dùng phụ tùng chờ phân bổ dài hạn
- + Các khoản phải thu dài hạn tăng 1,50 tỷ.

b) Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	276.178	180.982	95.196	52,60
I. Nợ ngắn hạn	275.672	180.476	95.196	52,75
II. Nợ dài hạn	506	506	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	773.991	730.638	43.353	5,93
I. Vốn chủ sở hữu	773.991	730.638	43.353	5,93
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.050.169	911.620	138.549	15,20

- Nợ phải trả tăng 52,60% tương ứng 95,20 tỷ chủ yếu do:
 - + Nợ phải trả ngắn hạn tăng 52,75% tương ứng 95,20 tỷ trong đó: Vay và nợ thuê tài chính tăng 390,48% tương ứng 88,97 tỷ do việc bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản phải trả, phải nộp khác tăng 43,37% tương ứng 12,22 tỷ chủ yếu do tăng khoản phải trả cho người lao động cũng như tăng quỹ Khen thưởng phúc lợi do việc phân phối lợi nhuận năm 2020. Mặt khác phải trả người bán giảm 5,05% tương ứng 5,91 tỷ.

- + Nợ phải trả dài hạn tương đương so với đầu năm 2021.

- Vốn chủ sở hữu tăng 5,93% tương ứng 43,35 tỷ từ việc tăng lợi nhuận trong năm 2021 cùng với việc phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 cho cổ đông.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.
- Áp dụng hệ thống quản trị nhân sự tiền lương và dự toán ngân sách trong Công ty.
- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nhìn chung, trong giai đoạn “bình thường mới” kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Ngành thuốc lá nói chung và nội tại Công ty nói riêng cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng nêu trên. Căn cứ nhu cầu thị trường hiện tại và xu hướng phát triển trong thời gian tới, Công ty dự kiến kế hoạch cho năm 2022 cần phấn đấu hoàn thành các mục tiêu như sau:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Kế hoạch 2022</i>
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.015.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	150.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	120.000
4	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	130.000
5	Sản lượng :		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc (<i>quy đổi</i>)	Triệu cây	16.500
	- Giấy sếp các loại	Tấn	2.200
	- Nhãn in (<i>quy đổi</i>)	Triệu tờ	2.450

Theo đó, kế hoạch sản lượng tiêu thụ sản phẩm Cây đầu lọc là 16.500 triệu cây (giảm 6,5% so với thực hiện 2021), sản phẩm nhãn In là 2.450 triệu tờ (giảm 6,9% so với thực hiện 2021) và sản phẩm Giấy sếp là 2.200 tấn (giảm 8% so với thực hiện 2021).

Kế hoạch sản lượng năm 2022 giảm so với dự kiến thực hiện năm 2021 nguyên nhân do một số lý do chủ yếu:

✓ Sản lượng tiêu thụ nội tiêu: Năm 2021 sản lượng tiêu thụ tăng đột biến do trong quý II và quý III tình hình dịch bệnh bùng phát tại các tỉnh phía Nam nên các đơn vị thuốc lá chủ động tăng cường lượng hàng dự trữ cho đến hết năm. Do đó sản lượng tiêu thụ từ các đơn vị này sẽ giảm trong những tháng đầu năm 2022.

✓ Sản lượng xuất khẩu trực tiếp năm 2021 giảm mạnh, cụ thể: sản lượng tiêu thụ nhãn in chỉ đạt khoảng 29 triệu tờ tương đương với 16% so với kế hoạch năm. Và với thông tin nhận được từ khách hàng, dự kiến trong năm 2022 sản lượng xuất khẩu trực tiếp nhãn in sẽ rất thấp do vấn đề phát sinh quá nhiều chi phí liên quan đến nguyên vật liệu, vận chuyển làm cho giá thành thay đổi.

✓ Mặt khác, các mặt hàng kinh doanh của Công ty cũng đang chịu sự cạnh tranh rất quyết liệt từ các Công ty tư nhân, Công ty có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam. Hiện tại giá cạnh tranh mặt hàng nhân in của Công ty với các đối thủ này đang diễn ra hết sức gay gắt.

- Nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu đầu vào cũng như nguyên vật liệu trong nước đều biến động mạnh, đặc biệt là các mặt hàng nguyên liệu để sản xuất đầu lọc như acetate tow, triacetin, các loại giấy ván đầu lọc... đều tăng; đồng thời các mặt hàng nguyên liệu để sản xuất nhân in như giấy bia, mực in, các loại dung môi... cũng không ngừng điều chỉnh tăng. Do đó để đảm bảo thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 như trên, dự kiến giá bán sản phẩm giấy sếp và đầu lọc có thể sẽ được điều chỉnh phù hợp trong năm 2022.

- Chi phí lãi vay: dự báo trong năm 2022 mặc dù tình hình dịch Covid sẽ được kiểm soát, tuy nhiên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến khả năng kinh doanh đối với các đơn vị khách hàng của Cát Lợi nên dòng tiền thu hồi nợ sẽ bị chậm, cùng với đó việc đầu tư máy móc thiết bị trong năm 2022 cũng chiếm lượng vốn kinh doanh lớn của Công ty, dẫn đến việc cần bổ sung nguồn vốn lưu động, Công ty sẽ phải vay ngắn hạn để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh và cũng để tăng tồn kho an toàn trong thời gian dịch bệnh diễn ra.

Phương hướng và giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2022:

Công ty luôn theo sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

- Tiếp tục ổn định và duy trì sản lượng đầu ra cung cấp cho các đơn vị thuốc lá điều trong Tổng Công ty, được khẳng định bằng uy tín, chất lượng và giá cả cạnh tranh, linh hoạt. Đồng thời Công ty luôn nỗ lực tăng cường mở rộng thị trường hướng đến các đơn vị thuốc lá điều bên ngoài Tổng Công ty và các đơn vị liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ... với phương châm luôn tạo niềm tin với tất cả các khách hàng dù lớn hay nhỏ, sự phát triển của khách hàng cũng là sự phát triển của CLC.

- Công ty đã xây dựng kế hoạch nguyên liệu cho năm 2022, chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên vật liệu, đàm phán ký kết hợp đồng mua bán nguyên vật liệu dài hạn với số lượng, chất lượng phù hợp và giá cả hợp lý nhất nhằm đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức quản lý sản xuất khoa học, hợp lý, nâng cao năng suất lao động, giảm tiêu hao nguyên liệu trong quá trình sản xuất, đồng thời điều chỉnh giá thành sản phẩm hợp lý nhất khi có biến động thị trường. Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào mảng phát triển công nghệ, tạo ra nhiều sản phẩm in có

độ khó, ứng dụng các hiệu ứng bất mất. Đồng thời, khai thác công nghệ mới đưa ra các sản phẩm đầu lọc thông thoáng, đầu lọc than nhằm góp phần làm giảm nồng độ Tar và Nicotine để hướng đến các sản phẩm đầu ra có chất lượng cao và hướng đến môi trường.

- Luôn theo dõi chặt chẽ, cập nhật và kịp thời có sự điều chỉnh khi một số hiệp định thương mại giữa Việt Nam và các nước có hiệu lực dẫn đến chính sách thuế nhập khẩu có sự thay đổi.

- Khai thác hiệu quả máy móc thiết bị hiện có, chú trọng công tác bảo trì bảo dưỡng, đảm bảo đủ năng lực máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Đồng thời không ngừng đẩy mạnh cải tiến, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất thực tiễn, sản xuất ra những sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục từng bước hoàn chỉnh bộ máy quản lý điều hành, chuẩn bị nguồn nhân lực kế thừa đáp ứng nhu cầu công việc và hướng phát triển của Công ty; tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ, đẩy mạnh công tác đào tạo. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, Ban kiểm soát nội bộ.

- Thực hiện chính sách lương, thưởng xứng đáng, khuyến khích phong trào thi đua sáng kiến trong sản xuất nhằm khai thác hiệu quả máy móc-thiết bị, giảm tiêu hao vật tư trong sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Trước những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của dịch bệnh kéo dài, cùng với những khó khăn về nguyên vật liệu khan hiếm và giá biến động mạnh trên bình diện thế giới lẫn trong khu vực, Công ty đang và sẽ cố gắng để điều tiết mọi hoạt động sản xuất cũng như đưa ra các biện pháp để duy trì và mở rộng thị trường đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh ở mức tốt nhất có thể.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

- Tình hình tiêu thụ nước cao hơn năm trước (năm 2021 sử dụng 26.660 m³, năm 2020 sử dụng 24.473 m³) do trong năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty thực hiện mô hình 3 tại chỗ theo chỉ đạo của địa phương trong khoảng 3 tháng, tổ chức cho cán bộ công nhân viên làm việc, sản xuất và lưu trú tại Công ty nên lượng nước sinh hoạt của năm 2021 cao hơn năm 2020, quy mô Công ty không có sự thay đổi lớn.



- Tình hình sử dụng năng lượng ổn định, gồm 2 loại: điện năng và dầu diesel.

- Các nguồn thải không đổi, được giám sát định kỳ theo đúng chương trình quan trắc đã được phê duyệt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động. Đánh giá hiệu quả công việc qua việc thỏa thuận KPI của vị trí công việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn.

- Với cộng đồng địa phương Công ty thực hiện đúng quy định về chất thải của pháp luật môi trường, không gây tiếng ồn cũng như nguồn nước thải đúng tiêu chuẩn quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2021, được đánh giá, đề cập tại mục II của báo cáo, cụ thể:

- Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao.

- Về tổ chức nhân sự: Nhân sự Ban điều hành có sự thay đổi được đề cập tại mục II.2 và mục V.1. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty ổn định, không có sự biến động nhiều.

- Về tình hình đầu tư: Luôn được Công ty xem xét phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty trong trung và dài hạn. Các dự án đầu tư của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật nhà nước.

- Về tình hình tài chính: Tài chính của công ty minh bạch và lành mạnh.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

- Cơ cấu cổ đông: Ít biến động, không có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông lớn.

- Cung cấp thông tin cho cổ đông: Luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của nhà nước, chấp hành đầy đủ các quy định của các cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường, thực hiện việc quản lý chặt chẽ nguồn vật tư, nguyên liệu sản xuất không làm ảnh hưởng đến môi trường. Các phế liệu, phế phẩm, chất thải trong quá trình sản xuất được Công ty phân loại theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có chuyên môn phù hợp với từng loại chất thải để thu hồi và xử lý. Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội hỗ trợ cộng đồng.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2021, mặc dù đại dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi hoạt động kinh tế, xã hội tại các tỉnh thành phía Nam, đặc biệt là TP. Hồ Chí Minh kể từ cuối tháng 5/2021 đến tháng 10/2021. Vượt lên mọi khó khăn, Ban Giám đốc cùng tập thể người lao động đã quyết tâm đồng lòng đã triển khai phương án sản xuất “3 tại chỗ”, tuân thủ các biện pháp phòng dịch và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được ĐHCĐ và HĐQT giao cho;
- Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy chế nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức triển khai thực hiện nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng;
- Tổ chức, giám sát quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất;
- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc, đảm bảo ổn định thu nhập của người lao động. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động; Tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh, chăm lo sức khỏe đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.

- Ứng dụng Hệ thống quản trị tiên tiến về hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, từ đó giúp công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh kịp thời, hiệu quả;

- Công ty đã thực hiện vận hành hiệu quả Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động

- Thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; thực hiện đúng, kịp thời Quy chế về công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, tham dự các cuộc họp...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- HĐQT tiếp tục tuân thủ các mục tiêu, định hướng chiến lược của Công ty được đề cập tại Mục I.4 của báo cáo để thực hiện.

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra đồng thời Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc sau:

- + Triển khai hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- + Tuân thủ Điều lệ, quy chế, quy định nội bộ. Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của nhà nước về các chế độ chính sách;

- + Nghiên cứu, đầu tư công nghệ mới để tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường sản phẩm.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu quản trị theo thông lệ quản trị tiên tiến và phù hợp quy định pháp luật hiện hành;

- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty để phát triển Công ty bền vững nhằm nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và thu nhập của người lao động Công ty hàng năm tăng trưởng.

- Thực hiện việc tái cấu trúc nguồn lực Công ty để phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm của các công ty sản xuất thuốc lá. Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

- Nghiên cứu và triển khai các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn.

- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để phù hợp với nhu cầu khách hàng và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư... tại các vùng miền khác nhau để phát triển.
- Đặc biệt thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực để đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Châu Tuấn + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 13/01/1964 Thái Nguyên Việt Nam Đại học. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (bổ nhiệm từ ngày 27/05/2021). Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hòa Việt; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH SX-KD Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
2. Ông Nhâm Minh Thuận + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Nam 26/04/1970 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (miễn nhiệm từ ngày 27/05/2021). Thành viên Hội đồng thành viên,

+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn (tại thời điểm miễn nhiệm ngày 27/05/2021). 114.000 CP, chiếm 0,43% vốn điều lệ (tại thời điểm miễn nhiệm ngày 27/05/2021).
3. Ông Nguyễn Hoàng Minh	Như trên(Thông tin như phần II.2.a)
4. Ông Nguyễn Đức Hanh	Như trên(Thông tin như phần II.2.a)
5. Ông Huỳnh Nam + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 07/05/1966 Hà Nội Việt Nam Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật. Ủy viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 27/05/2021), Ủy viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm từ ngày 27/05/2021) Phó Ban Tổ chức – Nhân sự Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam. 6.410 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
6. Bà Lê Diễm Anh + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nữ 28/06/1979 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư. Ủy viên Hội đồng quản trị. Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty TNHH Một Thành viên Thuốc lá Sài Gòn. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
7. Ông Lê Thành Trung + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn:	Nam 05/11/1975 Nam Định Việt Nam Kỹ sư Công nghệ thực phẩm.

+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Hội đồng quản trị.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.

Ghi chú:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27/05/2021 đã bầu Ông Châu Tuấn thay thế Ông Nhâm Minh Thuận và Ông Nguyễn Đức Hạnh thay thế Ông Huỳnh Nam vào Hội đồng quản trị Công ty.

- Cổ phiếu đại diện sở hữu:

+ Ông Châu Tuấn đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 8.124.480 cổ phiếu, chiếm 31% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Hoàng Minh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Đức Hạnh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Bà Lê Diễm Anh đại diện sở hữu cho Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn số lượng 1.672.540 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

+ Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm 03 thành viên: Ông Châu Tuấn, Bà Lê Diễm Anh và Ông Lê Thành Trung.

+ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 02 thành viên: Ông Nguyễn Hoàng Minh, Ông Nguyễn Đức Hạnh.

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ông Lê Thành Trung.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và giám sát hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tập trung chỉ đạo, giám sát và hoàn thành các công việc sau:

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - Thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh; kế hoạch ngân sách; tài chính; đầu tư; cán bộ quản lý; hệ thống quản trị Công ty;...
 - Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.
 - Chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc thực hiện quyền đối với cổ đông gồm: công bố thông tin cho cổ đông, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - Ngoài ra, HĐQT còn chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc tuân thủ các quy định về chính sách pháp luật, bảo vệ môi trường; quan tâm đến đời sống, thu nhập, phúc lợi, môi trường làm việc của người lao động; khuyến khích, ủng hộ Công ty tài trợ kinh phí cho các hoạt động xã hội, cộng đồng.
 - Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành 9 cuộc họp (bao gồm xin ý kiến bằng văn bản) và ban hành 13 Nghị quyết sau:

Stt.	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung
1	62/NQ-CPCL	28/01/2021	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2020; Thông qua quyết toán chi phí thị trường năm 2020; Thông qua quyết toán chi phí sản xuất thử và ứng dụng công nghệ mới năm 2020; Thông qua quyết toán các khoản mục chi phí quản lý năm 2020; Thông qua báo cáo quý 4 năm 2020 và kế hoạch quý 1 năm 2021 của Ban KSNB Công ty.
2	167/NQ-CPCL	30/03/2021	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
3	168/NQ-CPCL	30/03/2021	Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
4	169/NQ-CPCL	30/03/2021	Thông qua ước kết quả SXKD quý 1 năm

			2021; Thông qua kế hoạch SXKD quý 2 năm 2021; Thông qua báo cáo quý 1 năm 2021 và kế hoạch quý 2 năm 2021 của Ban KSNB Công ty; Thông qua việc ban hành Quy chế Khen thưởng Ban Quản lý Điều hành Công ty; Thông qua việc ban hành Quy chế Công tác cán bộ; Thông qua Báo cáo Thường niên năm 2020.
5	221/NQ-CPCL	05/05/2021	Thông qua các tài liệu đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua và quyết định.
6	240/NQ-CPCL	14/05/2021	Thông qua dự thảo các tài liệu đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua và quyết định; Thông qua nhân sự Hội đồng quản trị: Chấp thuận miễn nhiệm 02 thành viên HĐQT và chấp thuận 02 ứng viên ứng cử bầu vào HĐQT; Thông qua nhân sự Ban kiểm soát: Chấp thuận miễn nhiệm 01 thành viên BKS và chấp thuận 01 ứng viên ứng cử bầu vào BKS.
7	272/NQ-CPCL	27/05/2021	Thông qua việc bầu Ông Châu Tuấn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT; Thông qua việc phân công công việc các thành viên Hội đồng quản trị Công ty; Thống nhất thông qua ngày chốt danh sách cổ đông, thanh toán cổ tức đợt cuối năm 2020.
8	490/NQ-CPCL	24/08/2021	Thông qua kết quả SXKD quý 2 năm 2021; Thông qua kế hoạch SXKD quý 3 năm 2021; Thông qua báo cáo quý 2 năm 2021 và kế hoạch quý 3 năm 2021 của Ban KSNB Công ty; Thông qua việc ban hành Quy chế Công tác cán bộ.
9	495/NQ-CPCL	26/08/2021	Thống nhất kéo dài thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Liêu Phước Tính đến ngày 31/12/2022.
10	606/NQ-CPCL	04/11/2021	Thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021.

11	607/NQ-CPCL	04/11/2021	Thông qua kết quả SXKD quý 3 năm 2021; Thông qua kế hoạch SXKD quý 4 năm 2021; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế dân chủ cơ sở; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phân phối tiền lương, thù lao; Thông qua báo cáo quý 3 năm 2021 và kế hoạch quý 4 năm 2021 của Ban KSNB Công ty; Thông qua việc đầu tư TSCĐ Công ty; Thông qua chủ trương cán bộ của Công ty.
12	738/NQ-CPCL	22/12/2021	Thông qua kế hoạch SXKD quý 1 năm 2022; Thông qua quỹ lương kế hoạch năm 2022; Thông qua kế hoạch chi phí thị trường năm 2022; Thông qua kế hoạch chi phí thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới năm 2022; Thông qua kế hoạch 02 khoản mục chi phí quản lý năm 2022; Thông qua rà soát, bổ sung Quy hoạch cán bộ của Công ty giai đoạn 2021-2026 cập nhật năm 2021.
13	739/NQ-CPCL	22/12/2021	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Đức Hanh kể từ ngày 01/01/2022; Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thư ký HĐQT Công ty đối với Bà Huỳnh Thị Bích Dung kể từ ngày 01/01/2022; Thông qua việc giao nhiệm vụ cho Ông Dương Hiền Vĩnh – Phó phòng TCHC kiêm nhiệm công việc Thư ký HĐQT Công ty kể từ ngày 01/01/2022.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Phụ trách Ban kiểm soát nội bộ Công ty và các hoạt động khác của Hội đồng quản trị.

- Chỉ đạo hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ trong năm bao gồm:

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị, giám sát các rủi ro về an toàn dữ liệu thông tin, rủi ro nguồn nhân lực sản xuất, rủi ro an toàn lao động, rủi ro pháp lý và tuân thủ về pháp luật của nhà nước, rủi ro về tài chính của Công ty.

+ Giám sát an toàn lao động, bản quyền sở hữu trí tuệ, hợp đồng mua bán, quy chế, quy định của Công ty.

Trên cơ sở kết quả giám sát các rủi ro của Ban KSNB, thành viên HĐQT độc lập đã chỉ đạo, giám sát và tư vấn cho HĐQT để hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và tham gia các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Các hoạt động khác:

+ Thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết các nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị một cách độc lập, khách quan.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Không.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Trần Thị Ánh + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nữ 05/10/1977 Hà Nam Việt Nam Cử nhân Kinh tế. Trưởng Ban kiểm soát. Không. 0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
2. Nguyễn Thế Long + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty:	Nam 03/10/1980 Thái Bình Việt Nam Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý, Cử nhân Kinh tế. Ủy viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 27/05/2021).

+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
3. Đỗ Thu Hà	
+ Giới tính:	Nữ
+ Ngày tháng năm sinh:	07/10/1975
+ Nơi sinh:	Hà Nội
+ Quốc tịch:	Việt Nam
+ Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Luật.
+ Chức vụ công tác tại Công ty:	Ủy viên Ban kiểm soát.
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:	+ Chuyên viên Ban Kiểm tra, Kiểm soát - Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.
+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	0 CP, chiếm 0,0% vốn điều lệ.
4. Ông Huỳnh Nam	Như trên(Thông tin như phần V.1.a)

Ghi chú:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27/05/2021 đã bầu Ông Huỳnh Nam thay thế Ông Nguyễn Thế Long vào Ban kiểm soát Công ty.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát 2021:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính năm.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước tại Công ty trong công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính, đầu tư, kiểm kê, chi phí, hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu, công nợ...
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Công ty.
- Làm việc và lập báo cáo hàng quý, đồng thời có gửi cho Hội đồng quản trị Công ty, báo cáo có phân tích so sánh và kiến nghị một số vấn đề liên quan đến công tác quản lý tài chính và các công tác khác.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty theo thư mời.
- Tham dự các cuộc họp sản xuất trong tháng và các cuộc họp đột xuất khác của Công ty.

- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.

Năm 2021, do tình hình diễn biến dịch bệnh Covid-19 tại TP.HCM rất phức tạp, kéo dài, Ban kiểm soát Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định cụ thể:

- Ngày 27/04/2021 Ban kiểm soát họp với nội dung thẩm định Báo cáo tài chính quý 1 năm 2021; Triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát.

- Ngày 27/05/2021 Ban kiểm soát họp kỳ 1/2021 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát quý 2 và quý 3 năm 2021.

- Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp tại các tỉnh phía nam, tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện giãn cách xã hội toàn thành phố. Do vậy, Ban kiểm soát chuyển sang họp và làm việc online.

- Ngày 16/07/2021 Ban kiểm soát họp online kỳ 2/2021 với nội dung giám sát tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo quy định của Bộ y tế khi Công ty thực hiện phương án sản xuất "3 tại chỗ" cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty; Ban kiểm soát triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị; Soát xét các khoản mục chi phí công nợ, thế chấp vay vốn ngân hàng; Thông qua Báo cáo tài chính và thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021.

- Ngày 29/10/2021 thông qua điện thoại, thư điện tử, Ban kiểm soát tiến hành họp trực tuyến thẩm định Báo cáo tài chính quý 3 năm 2021 của Công ty.

- Ngày 11 và 12/11/2021, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các hợp đồng mua bán, tình hình công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư, danh mục tài sản, các quy chế của Công ty và các khoản mục chi phí đến tháng 10 năm 2021.

- Ngày 12/11/2021 Ban kiểm soát họp trực tuyến kỳ 3/2021 nội dung xem xét các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ của việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, soát xét một số quy chế, quy định của Công ty và triển khai giám sát quý 4 năm 2021.

- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách tại Công ty thường xuyên trao đổi những thông tin qua điện thoại, email tới các thành viên Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty, kết quả tham dự các cuộc họp sản xuất giữa Ban Giám đốc và các lãnh đạo phòng ban, để các thành viên trong Ban kiểm soát nắm sát tình hình hoạt động của Công ty.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị có Ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang Ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban Giám đốc.

- Thường xuyên phối hợp cùng với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các cổ đông trong cũng như ngoài Công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, dự kiến chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội ... để thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.

- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2021:

Đơn vị tính đồng.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Hà Quang Hòa	Nguyên Chủ tịch HĐQT	21.574.100	94.259.000	115.833.100
2	Châu Tuấn	Chủ tịch HĐQT	140.180.100	-	140.180.100
3	Nhâm Minh Thuận	Nguyên Chủ tịch HĐQT	94.903.700	4.098.000	99.001.700
4	Nguyễn Hoàng Minh	Ủy viên, Giám đốc	1.505.823.106	72.129.000	1.577.952.106

5	Nguyễn Đức Hanh	Ủy viên	1.055.269.706	65.571.000	1.120.840.706
6	Lê Thành Trung	Ủy viên	265.216.900	65.571.000	330.787.900
7	Lê Diễm Anh	Ủy viên	277.932.900	32.786.000	310.718.900
8	Bùi Tấn Hòa	Nguyên Ủy viên, Nguyên Giám đốc	1.065.700	39.343.000	40.408.700
9	Trịnh Xuân Quang	Nguyên Ủy viên		30.507.400	30.507.400
10	Huỳnh Nam	Nguyên Ủy viên	240.972.100	65.571.000	306.543.100
	Tổng cộng		3.602.938.312	469.835.400	4.072.773.712

BAN KIỂM SOÁT

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Trần Thị Ánh	Trưởng BKS	849.629.699	26.229.000	875.858.699
2	Huỳnh Nam	Ủy viên	Như trên	Như trên	Như trên
3	Đỗ Thu Hà	Ủy viên	209.182.600	13.114.000	222.296.600
4	Nguyễn Thế Long	Nguyên Ủy viên	83.136.600	13.114.000	96.250.600
	Tổng cộng		1.141.948.899	52.457.000	1.194.405.899

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG					
Stt	Họ và tên	Chức Vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
3	Liêu Phước Tinh	Kế toán trưởng	906.063.690	26.229.000	932.292.690
	Tổng cộng		906.063.690	26.229.000	932.292.690

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Huỳnh Nam	TV HĐQT	5.910	0,02%	6.410	0,02%	Mua
2	Ông Liêu Phước Tinh	Kế toán trưởng	3.939	0,02%	39	0,00%	Bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Các giao dịch, hợp đồng mua bán giữa Công ty với các bên liên quan được thể hiện trong Báo cáo tài chính của Công ty được đính kèm.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính**1. Ý kiến kiểm toán**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC).

- Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022, từ trang 04 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

- Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

- Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Đính kèm).

Trân trọng././

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Châu Tuấn





BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

AISC

Auditing and Informatic Services Company Limited

MỤC LỤC
----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Cát Lợi (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà Nước - Xi nghiệp In Bao Bì và Phụ Liệu Thuốc Lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ - BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303185504 do Sứ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

In trên bao bì; Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp; Môi giới thương mại; Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng bọc BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

Tên tiếng anh: CAT LOI JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: CLCO.

Mã chứng khoán: CLC (HOSE).

Trụ sở chính: 934D2 Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Châu Tuấn	Chủ tịch	Bỏ nhiệm từ ngày 27/05/2021
Ông	Nhâm Minh Thuận	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2021
Ông	Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên	
Ông	Nguyễn Đức Hanh	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 27/05/2021
Ông	Huỳnh Nam	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2021
Ông	Lê Thành Trung	Thành viên	
Bà	Lê Diễm Anh	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà	Trần Thị Ánh	Trưởng ban	
Bà	Đỗ Thu Hà	Thành viên	
Ông	Huỳnh Nam	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 27/05/2021
Ông	Nguyễn Thế Long	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2021

Ban Giám đốc

Ông	Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc	Người đại diện theo pháp luật
Ông	Nguyễn Đức Hanh	Phó Giám đốc	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập Báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc quản lý các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Minh

Giám đốc



Số: A0521296-R /AISC-DN3

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022, từ trang 04 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Vinh

Số giấy CNDKHNKT: 0112-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Hà Quế Nga

Số giấy CNDKHNKT: 2801-2019-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.006.964.597.913	839.016.028.081
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	61.971.518.986	55.820.130.138
1. Tiền	111		61.971.518.986	55.820.130.138
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.817.604.290	173.376.900.031
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	192.709.030.656	172.510.144.763
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.102.225.921	718.500.217
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.006.347.713	148.255.051
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	734.664.605.507	599.567.026.308
1. Hàng tồn kho	141		734.664.605.507	599.567.026.308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.510.869.130	10.251.971.604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	7.510.869.130	10.251.971.604
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.204.441.057	72.603.931.404
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.500.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	1.500.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.032.568.289	58.948.495.458
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	26.575.031.014	54.104.614.133
- Nguyên giá	222		701.831.829.438	698.785.996.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(675.256.798.424)	(644.681.381.878)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.457.537.275	4.843.881.325
- Nguyên giá	228		18.416.674.299	18.128.674.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.959.137.024)	(13.284.792.974)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	254.753.782	186.950.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		254.753.782	186.950.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	-	8.844.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	13.400.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(4.556.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.417.118.986	4.624.485.946
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	10.417.118.986	4.624.485.946
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.050.169.038.970	911.619.959.485

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		276.178.090.451	180.981.529.656
I. Nợ ngắn hạn	310		275.672.095.369	180.475.534.574
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	111.294.014.239	117.208.484.490
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.894.700	139.477.955
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	12.071.731.097	12.124.320.411
4. Phải trả người lao động	314		26.061.033.137	17.440.772.102
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	132.953.719	38.729.075
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	344.253.193	343.798.813
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	111.754.250.802	22.784.780.525
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.994.964.482	10.395.171.203
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		505.995.082	505.995.082
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	505.995.082	505.995.082
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		773.990.948.519	730.638.429.829
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	773.990.948.519	730.638.429.829
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		64.847.400.000	64.847.400.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		259.463.164.801	222.583.902.726
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		187.604.553.718	181.131.297.103
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78.391.312.242	78.391.312.242
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		109.213.241.476	102.739.984.861
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.050.169.038.970	911.619.959.485

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Đức Huy

Kế toán trưởng



Liêu Phước Tính

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.142.096.427.823	1.899.749.410.421
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.142.096.427.823	1.899.749.410.421
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.857.005.742.477	1.628.085.098.094
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		285.090.685.346	271.664.312.327
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.181.125.250	4.164.697.833
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.206.909.327	29.096.254.838
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.894.918.649	4.881.681.582
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	27.059.013.149	24.461.936.589
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	76.074.878.920	61.221.410.405
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		168.931.009.200	161.049.408.328
11. Thu nhập khác	31	VI.6	771.366.002	520.591.788
12. Chi phí khác	32	VI.7	6.461.710	89.925.425
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		764.904.292	430.666.363
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		169.695.913.492	161.480.074.691
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	34.275.089.016	32.532.506.830
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		135.420.824.476	128.947.567.861
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	4.651	4.407
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	4.651	4.407

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Đức Huy



Liêu Phước Tinh



Nguyễn Hoàng Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		169.695.913.492	161.480.074.691
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, V.8	32.287.031.051	36.714.222.706
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	(4.556.000.000)	4.556.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		107.150.928	142.669.906
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.096.490.323)	(287.460.414)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.894.918.649	4.881.681.582
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		198.332.523.797	207.487.188.471
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(30.940.704.259)	96.829.905.835
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(135.097.579.199)	(2.690.262.115)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.584.868.411	(13.654.583.693)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(3.051.530.566)	(7.157.742.434)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.800.694.005)	(5.169.004.374)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(34.432.108.272)	(34.252.096.145)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.500.000	13.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.848.263.507)	(13.835.198.663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.250.987.600)	227.571.706.882
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.438.907.664)	(291.950.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		362.127.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		13.400.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		734.362.505	287.460.414
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.057.582.659	(4.489.586)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		336.982.483.787	477.404.343.653
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(248.013.013.510)	(611.143.406.893)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(78.622.749.000)	(78.622.749.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.346.721.277	(212.361.812.240)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		6.153.316.336	15.205.405.056
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		55.820.130.138	40.613.995.919
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.927.488)	729.163
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	61.971.518.986	55.820.130.138

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Đức Huy



Liễu Phước Tinh



Nguyễn Hoàng Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Cát Lợi (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà Nước - Xí nghiệp In Bao Bì và Phụ Liệu Thuốc Lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ - BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh chính:

In trên bao bì; Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp; Môi giới thương mại; Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng bọc BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin tài chính trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty có thể so sánh với Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố của Ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đối với các khoản đầu tư, Công ty trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019. Cụ thể như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán Upcom, việc lập dự phòng dựa trên giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (Tiếp theo):****6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (Tiếp theo):**

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi một số điều của Thông Tư 45, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi một số điều của Thông Tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>5-25 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>2,5-18 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>03- 11 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>1,5-12 năm</i>
<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>02 năm</i>
<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>50 năm</i>

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí công cụ dụng cụ, phụ tùng và chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng đến 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay đã phát sinh trong kỳ Báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần.

Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm bán trong năm; và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong năm Báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong năm và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty của năm hiện hành như sau: thuế suất 20%.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**20. Công cụ tài chính (Tiếp theo):****Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ phần vốn góp đáng kể.

22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
Tiền	61.971.518.986	55.820.130.138
Tiền mặt	354.989.500	168.058.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.616.529.486	55.652.072.138
Cộng	61.971.518.986	55.820.130.138

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Phải thu của khách hàng	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	192.709.030.656	-	172.510.144.763	-
Khách hàng trong nước	192.709.030.656	-	170.142.705.822	-
Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Long An	7.289.423.404	-	3.071.252.992	-
Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	49.501.028.725	-	38.853.086.426	-
Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn	64.280.139.298	-	74.481.754.458	-
Các khách hàng khác	71.638.439.229	-	53.736.611.946	-
Khách hàng nước ngoài	-	-	2.367.438.941	-
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	169.562.192.566	-	158.056.058.320	-
(Chi tiết kèm thuyết minh số VII.2)				
3. Trả trước cho người bán	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	8.102.225.921	-	718.500.217	-
Nhà cung cấp trong nước	1.304.887.955	-	718.500.217	-
Nhà cung cấp nước ngoài	6.797.337.966	-	-	-
- Hauni Maschinenbau GmbH	5.714.313.966	-	-	-
- Yantai Longtain Chemical Co., Ltd	1.083.024.000	-	-	-
Cộng	8.102.225.921	-	718.500.217	-
4. Phải thu khác	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.006.347.713	-	148.255.051	-
Ký cược, ký quỹ	542.061.392	-	88.700.000	-
Tạm ứng	1.451.000.000	-	36.000.000	-
Thuế TNCN	13.286.321	-	23.555.051	-
b. Dài hạn	1.500.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.500.000.000	-	-	-
Cộng	3.506.347.713	-	148.255.051	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Hàng tồn kho	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	53.768.422.990	-	34.657.837.795	-
Nguyên liệu, vật liệu	613.945.026.702	-	508.017.024.047	-
Công cụ, dụng cụ	2.087.500	-	6.800.000	-
Chi phí SX, KD dở dang	16.144.882	-	444.168.939	-
Thành phẩm	66.932.923.433	-	56.441.195.527	-
Cộng	734.664.605.507	-	599.567.026.308	-

6. Chi phí trả trước	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	a. Chi phí trả trước ngắn hạn	7.510.869.130
Chi phí tiền thuê máy đục lỗ giấy sếp	-	2.494.444.960
Chi phí phụ tùng	6.337.195.570	6.589.564.608
Chi phí khác	1.173.673.560	1.167.962.036
b. Chi phí trả trước dài hạn	10.417.118.986	4.624.485.946
Chi phí phần mềm	69.380.790	72.000.000
Chi phí phụ tùng	10.347.738.196	4.552.485.946
Cộng	17.927.988.116	14.876.457.550

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.039.544.335	647.682.326.734	13.505.219.423	6.558.905.519	698.785.996.011
Mua trong năm	-	1.600.221.791	2.482.882.091	-	4.083.103.882
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.037.270.455)	-	(1.037.270.455)
Số dư cuối năm	31.039.544.335	649.282.548.525	14.950.831.059	6.558.905.519	701.831.829.438
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	29.451.611.431	595.256.990.177	13.505.219.423	6.467.560.847	644.681.381.878
Khấu hao trong năm	570.678.674	30.639.876.455	323.237.502	78.894.370	31.612.687.001
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.037.270.455)	-	(1.037.270.455)
Số dư cuối năm	30.022.290.105	625.896.866.632	12.791.186.470	6.546.455.217	675.256.798.424
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.587.932.904	52.425.336.557	-	91.344.672	54.104.614.133
Số dư cuối năm	1.017.254.230	23.385.681.893	2.159.644.589	12.450.302	26.575.031.014

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2021: 1.017.254.230 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 591.243.112.388 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.502.607.589	2.626.066.710	18.128.674.299
Mua trong năm		288.000.000	288.000.000
Số dư cuối năm	15.502.607.589	2.914.066.710	18.416.674.299
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.892.430.264	2.392.362.710	13.284.792.974
Khấu hao trong năm	350.140.050	324.204.000	674.344.050
Số dư cuối năm	11.242.570.314	2.716.566.710	13.959.137.024
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.610.177.325	233.704.000	4.843.881.325
Số dư cuối năm	4.260.037.275	197.500.000	4.457.537.275

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 ; 4.260.037.275 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 2.521.066.710 VND

9. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Mua sắm TSCĐ	254.753.782	-	186.950.000	-
+ Máy sản xuất cây đầu lọc KDF 2NEO	254.753.782		-	
+ Chi phí đăng báo mời thầu xe nâng		-	12.950.000	-
+ Phần mềm quản lý doanh nghiệp		-	174.000.000	-
Cộng	254.753.782	-	186.950.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. Các khoản đầu tư tài chính**

	Tại 31/12/2021			Tại 01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	13.400.000.000	(4.556.000.000)	8.844.000.000
<i>Công ty CP Chứng Khoán Nhất Việt</i>	-	-	-	<i>13.400.000.000</i>	<i>(4.556.000.000)</i>	<i>8.844.000.000</i>
Cộng	-	-	-	13.400.000.000	(4.556.000.000)	8.844.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Phải trả người bán	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	111.294.014.239	111.294.014.239	117.208.484.490	117.208.484.490
Nhà cung cấp trong nước	57.955.475.501	57.955.475.501	67.416.871.785	67.416.871.785
Các bên liên quan	16.053.364.317	16.053.364.317	29.550.352.970	29.550.352.970
Nhà cung cấp khác	41.902.111.184	41.902.111.184	37.866.518.815	37.866.518.815
Nhà cung cấp nước ngoài	53.338.538.738	53.338.538.738	49.791.612.705	49.791.612.705
Tervakoski Oy	8.455.755.957	8.455.755.957	7.071.566.884	7.071.566.884
Nomura Trading Co	19.299.760.788	19.299.760.788	20.063.785.454	20.063.785.454
British American Tobacco	6.645.517.855	6.645.517.855	4.318.020.412	4.318.020.412
Stora Enso Fors AB	-	-	4.152.894.438	4.152.894.438
Mudanjiang Hengfeng Paper Co., LTD	2.574.007.680	2.574.007.680	3.338.112.708	3.338.112.708
Flaro Industries PTE LTD	13.473.070.018	13.473.070.018	-	-
Nhà cung cấp khác	2.890.426.440	2.890.426.440	10.847.232.809	10.847.232.809
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	16.053.364.317	16.053.364.317	29.550.352.970	29.550.352.970
(chi tiết kèm thuyết minh số VII.2)				
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tại 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2021
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.140.312.355	23.186.302.171	23.360.388.248	2.966.226.278
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	88.505.332.878	88.505.332.878	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	19.690.968.754	19.690.968.754	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.383.098.509	34.275.089.016	34.432.108.272	8.226.079.253
Thuế thu nhập cá nhân	600.909.547	8.552.055.955	8.273.539.936	879.425.566
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	138.151.233	138.151.233	-
Cộng	12.124.320.411	174.350.900.007	174.403.489.321	12.071.731.097
13. Chi phí phải trả			Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
Trích trước chi phí lãi vay			132.953.719	38.729.075
Cộng			132.953.719	38.729.075
14. Phải trả ngắn hạn khác			Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
a. Ngắn hạn			344.253.193	343.798.813
Nhận ký quỹ, ký cược			300.000.000	300.000.000
Kinh phí công đoàn			44.253.193	43.798.813
b. Dài hạn			505.995.082	505.995.082
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			505.995.082	505.995.082
Cộng			850.248.275	849.793.895

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuê tài chính	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	111.754.250.802	111.754.250.802	22.784.780.525	22.784.780.525
1. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	75.733.898.607	75.733.898.607	18.208.700.865	18.208.700.865
2. Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	2.576.079.660	2.576.079.660
3. Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TPHCM	36.020.352.195	36.020.352.195	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	111.754.250.802	111.754.250.802	22.784.780.525	22.784.780.525

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng gồm các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
1. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0121/1928/N-CTD-SD01 ngày 15/12/2020 và Hợp đồng tín dụng số 0121/1928/N-CTD ngày 19/12/2019 và hợp đồng tín dụng số 0012/2128/N-CTD ngày 17/02/2021. (Vietcom bank) Mục đích: vay bổ sung vốn lưu động.	Thời hạn vay tối đa 6 tháng theo từng giấy nhận nợ.	Theo từng thời điểm giải ngân	75.733.898.607	Thế chấp tài sản
2. Phụ lục Hợp đồng BC-HĐTĐ/CATLOI_01/2013092 5-PL 2020 ngày 14/10/2020 bổ sung, sửa đổi HĐTĐ BC-HĐTĐ/CATLOI_01/2013092 5 Ký ngày 14/10/2013. (Shinhan bank)	Thời hạn vay tối đa 6 tháng theo từng giấy nhận nợ.	Theo từng thời điểm giải ngân	-	Thế chấp tài sản
3. Thư tín dụng số STVN92-19 ngày 29/05/2019. (CTBC bank)	6 tháng	Theo từng thời điểm giải ngân	36.020.352.195	Tin chấp

Các khoản vay ngân hàng theo các hợp đồng hạn mức tín dụng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, dây chuyền máy ATN 9 màu và Quyền sử dụng đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. **Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2020	262.075.830.000	64.847.400.000	194.474.584.528	171.564.989.629	692.962.804.157
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	128.947.567.861	128.947.567.861
<i>Phân phối lợi nhuận năm 2019</i>	-	-	<i>28.109.318.198</i>	<i>(93.173.677.387)</i>	<i>(65.064.359.189)</i>
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	28.109.318.198	(28.109.318.198)	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.243.727.279)	(11.243.727.279)
+ Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(1.405.465.910)	(1.405.465.910)
+ Chia cổ tức còn lại năm 2019 (20%)	-	-	-	(52.415.166.000)	(52.415.166.000)
<i>Phân phối lợi nhuận năm 2020</i>	-	-	-	<i>(26.207.583.000)</i>	<i>(26.207.583.000)</i>
+ Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 (10%)	-	-	-	(26.207.583.000)	(26.207.583.000)
Tại ngày 31/12/2020	262.075.830.000	64.847.400.000	222.583.902.726	181.131.297.103	730.638.429.829
Tại ngày 01/01/2021	262.075.830.000	64.847.400.000	222.583.902.726	181.131.297.103	730.638.429.829
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	135.420.824.476	135.420.824.476
<i>Phân phối lợi nhuận năm 2020</i>	-	-	<i>36.879.262.075</i>	<i>(102.739.984.861)</i>	<i>(65.860.722.786)</i>
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	36.879.262.075	(36.879.262.075)	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(12.894.756.786)	(12.894.756.786)
+ Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(550.800.000)	(550.800.000)
+ Chia cổ tức còn lại năm 2020 (20%)	-	-	-	(52.415.166.000)	(52.415.166.000)
<i>Phân phối lợi nhuận năm 2021</i>	-	-	-	<i>(26.207.583.000)</i>	<i>(26.207.583.000)</i>
+ Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (10%)	-	-	-	(26.207.583.000)	(26.207.583.000)
Tại ngày 31/12/2021	262.075.830.000	64.847.400.000	259.463.164.801	187.604.553.718	773.990.948.519

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
Tổng Công Ty Thuốc Lá Việt Nam	51,00%	133.660.800.000	133.660.800.000
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Sài Gòn	6,38%	16.725.400.000	16.725.400.000
Công Ty TNHH MTV Thuốc Lá Thăng Long	4,07%	10.676.080.000	10.676.080.000
Các cổ đông khác	38,55%	101.013.550.000	101.013.550.000
Cộng	100,00%	262.075.830.000	262.075.830.000

c. Cổ phiếu	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	26.207.583	26.207.583
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.207.583	26.207.583
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.207.583	26.207.583
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.207.583	26.207.583
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.207.583	26.207.583
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

d. Cổ tức

Trong giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2021, Công ty trả cổ tức còn lại năm 2020 là 20% và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 là 10% trên mệnh giá bằng tiền mặt với tổng số tiền là : 78.622.749.000 đồng.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển	259.463.164.801	222.583.902.726
Cộng	259.463.164.801	222.583.902.726

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Ngoại tệ	Giá trị	Ngoại tệ	Giá trị
a. Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	-	1.017.331.873	-	135.386.823
b. Ngoại tệ các loại		128.082.153		251.253.995
USD	2.066,66	46.799.172	9.535,69	219.656.285
EUR	2.876,23	73.031.248	791,90	22.120.737
GBP	113,15	3.423.736	119,75	3.719.010
JPY	24.893,00	4.827.997	26.345,00	5.757.963
Cộng		1.145.414.026		386.640.818

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hoá, vật tư	6.172.968.500	4.511.590.956
Doanh thu bán thành phẩm	2.118.562.581.292	1.878.235.617.127
Doanh thu gia công, chế biến.	3.440.313.680	1.724.628.000
Doanh thu phế liệu thu hồi	12.820.736.219	14.644.425.844
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.099.828.132	633.148.494
Cộng	2.142.096.427.823	1.899.749.410.421
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa, vật tư	5.772.260.879	4.061.526.147
Giá vốn của thành phẩm	1.835.794.031.437	1.607.655.101.362
Giá vốn gia công, chế biến	1.978.881.340	1.092.666.247
Giá vốn phế liệu thu hồi	12.820.736.219	14.642.655.844
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	639.832.602	633.148.494
Cộng	1.857.005.742.477	1.628.085.098.094
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	387.502.505	287.460.414
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.446.762.745	3.877.237.419
Doanh thu hoạt động tài chính khác	346.860.000	-
Cộng	7.181.125.250	4.164.697.833
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	1.894.918.649	4.881.681.582
Chiết khấu thanh toán	21.307.238.682	17.328.079.544
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.453.601.068	2.187.823.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	107.150.928	142.669.906
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(4.556.000.000)	4.556.000.000
Cộng	20.206.909.327	29.096.254.838

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

	Năm 2021	Năm 2020
5. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu, bao bì	33.103.853	49.733.374
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	26.267.759.589	22.905.619.249
Chi phí quảng cáo, thị trường	535.262.379	1.113.392.001
Chi phí bằng tiền khác	222.887.328	393.191.965
Cộng	27.059.013.149	24.461.936.589
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	54.854.158.352	41.963.705.031
Chi phí khấu hao TSCĐ	888.218.999	1.166.968.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.622.939.632	3.956.051.869
Chi phí bằng tiền khác	15.709.561.937	14.134.684.715
Cộng	76.074.878.920	61.221.410.405
6. Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
Thu thanh lý TSCĐ	362.127.818	-
Thu tiền bán phế liệu	79.545.455	209.409.091
Thu nhập khác	329.692.729	311.182.697
Cộng	771.366.002	520.591.788
7. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí bằng tiền khác	6.461.710	89.925.425
Cộng	6.461.710	89.925.425
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	169.695.913.492	161.480.074.691
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.679.531.586	1.182.459.458
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.679.531.586	1.551.018.221
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(368.558.763)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	171.375.445.078	162.662.534.149
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm	34.275.089.016	32.532.506.830
5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	34.275.089.016	32.532.506.830

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	135.420.824.476	128.947.567.861
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(13.542.082.448)	(13.445.556.786)
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(13.542.082.448)	(13.445.556.786)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	121.878.742.028	115.502.011.075
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	26.207.583	26.207.583
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.651	4.407
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	4.651	4.407

(*): Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 đã được xác định theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 270/NQ-CPCL ngày 27/05/2021.

Ngoài ra, số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 được xác định theo kế hoạch trích lập các quỹ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 270/NQ-CPCL ngày 27/05/2021.

(**): Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2021.

VII. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan và các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

I. Giao dịch với các bên liên quan	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ		
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	55.869.759.058	41.988.595.363
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	72.354.350.209	33.533.089.360
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	36.883.383.580	42.352.563.363
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	18.447.155.581	22.075.113.202
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	58.544.917.585	35.502.454.952
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	56.652.984.365	53.262.785.724
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	43.189.960.467	47.042.245.477
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	1.013.495.678.597	917.253.439.699
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	42.023.094.473	44.294.988.587
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	433.031.894.727	393.219.789.745
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	1.917.470.300	12.165.483.884
Công ty Thương mại Miền Nam	79.575.570	75.421.463
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	58.796.317.912	48.667.547.171
Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp VINA TOYO	1.741.315.680	1.588.784.620
Công ty TNHH Liên Doanh VINA-BAT	36.920.931.970	24.391.179.301
Cộng	1.930.020.790.074	1.717.485.481.911

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	Năm 2021	Năm 2020
Công ty TNHH Một Thành viên Thuốc lá Đồng Tháp	29.085.000	32.750.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thuốc lá Long An	622.310.000	40.825.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thuốc lá Sài Gòn	468.158.400	465.515.840
Công ty TNHH Một Thành viên Thuốc lá Thăng Long	539.486.383	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thuốc lá Thanh Hoá	352.830.220	507.683.923
Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá	395.320.399.641	304.473.886.583
Công ty Thương Mại Miền Nam	25.933.823.006	22.389.121.914
Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	53.279.964.650	64.339.621.640
Cộng	476.546.057.300	392.249.404.900
Thu nhập khác từ các bên liên quan		
Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp VINA TOYO	199.229.329	311.182.697
Cộng	199.229.329	311.182.697

2. Số dư với các bên liên quan**- Phải thu khách hàng**

	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	6.108.112.972	2.022.176.332
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	8.599.137.514	3.613.103.855
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	4.425.336.886	5.351.543.208
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	4.028.633.401	1.466.918.767
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	13.997.033.782	18.507.096.471
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	7.289.423.404	3.071.252.992
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	64.280.139.298	74.481.754.458
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	1.791.686.173	2.374.774.380
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	49.501.028.725	38.853.086.426
Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	70.887.300	48.642.000
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	1.983.626.865	-
Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	6.625.564.710	5.768.864.706
Công Ty TNHH SX-KD Bao Bì Carton Gấp Nếp VINA TOYO	329.583.189	144.243.756
Công ty TNHH Liên Doanh VINA-BAT	531.998.347	2.352.600.969
Cộng	169.562.192.566	158.056.058.320

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**2. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

- Phải trả người bán	Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc Lá	10.539.877.400	22.214.461.526
Công ty Thương Mại Miền Nam	-	2.445.038.158
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	430.963.669	394.643.843
Công ty TNHH Sản Xuất Kinh Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	5.082.523.248	4.496.209.443
Cộng	16.053.364.317	29.550.352.970

3. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty:*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:*

		Năm 2021	Năm 2020
Hà Quang Hòa	Nguyên Chủ tịch	126.370.111	529.547.020
Nhâm Minh Thuận	Nguyên Chủ tịch	101.668.555	7.777.778
Châu Tuấn	Chủ tịch	145.755.666	-
Trịnh Xuân Quang	Nguyên Ủy viên	33.897.111	381.163.555
Huỳnh Nam	Nguyên Ủy viên	104.697.777	476.431.332
Lê Thành Trung	Ủy viên	367.542.110	404.143.332
Lê Diễm Anh	Ủy viên	324.576.555	93.608.333
Bùi Tấn Hòa	Nguyên Ủy viên, Nguyên Giám đốc	44.898.556	1.108.129.000
Nguyễn Hoàng Minh	Ủy viên, Giám đốc	2.128.396.000	1.287.989.000
Nguyễn Đức Hạnh	Ủy viên, Phó Giám đốc	1.508.010.000	1.068.347.000
Cộng		4.885.812.441	5.357.136.350

Thu nhập của Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng:

		Năm 2021	Năm 2020
Trần Thị Ánh	Trưởng ban	1.033.704.000	789.836.000
Huỳnh Nam	Ủy viên	225.239.000	-
Nguyễn Thế Long	Nguyên Ủy viên	106.945.111	199.811.111
Đỗ Thu Hà	Ủy viên	246.996.222	199.811.111
Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng	1.088.992.000	724.996.000
Cộng		2.701.876.333	1.914.454.222

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn tút, giấy sếp và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Năm 2021

Chỉ tiêu	Cây đầu lọc	In nhãn tút	Giấy sếp + lưới gà	Khác	Tổng
1. Doanh thu thuần					
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài và các bộ phận khác	1.156.521.436.740	691.738.030.858	270.303.113.694	23.533.846.531	2.142.096.427.823
2. Chi phí					
- Chi phí phân bổ và khấu hao	1.060.090.556.665	661.605.975.388	230.176.466.828	20.527.515.450	1.972.400.514.331
3. Lợi nhuận kế toán trước thuế	96.430.880.075	30.132.055.470	40.126.646.866	3.006.331.081	169.695.913.492
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	698.221.791		902.000.000	2.770.882.091	4.371.103.882
5. Tài sản bộ phận					-
6. Tài sản không phân bổ					1.050.169.038.970
Tổng tài sản					1.050.169.038.970
7. Nợ phải trả bộ phận					-
8. Nợ phải trả không phân bổ					276.178.090.451
Tổng nợ phải trả					276.178.090.451

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo).

Năm 2020

Chi tiêu	Cây đầu lọc	In nhân tút	Giấy sáp + lưới gà	Khác	Tổng
1. Doanh thu thuần					
- Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài và các bộ phận khác	1.065.492.985.842	566.589.130.697	246.153.500.588	21.513.793.294	1.899.749.410.421
2. Chi phí					
- Chi phí phân bổ và khấu hao	953.457.208.608	553.393.324.028	211.342.893.502	20.075.909.592	1.738.269.335.730
3. Lợi nhuận kế toán trước thuế	112.035.777.234	13.195.806.669	34.810.607.086	1.437.883.702	161.480.074.691
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ				105.000.000	105.000.000
5. Tài sản bộ phận					-
6. Tài sản không phân bổ					911.619.959.485
Tổng tài sản					911.619.959.485
7. Nợ phải trả bộ phận					-
8. Nợ phải trả không phân bổ					180.981.529.656
Tổng nợ phải trả					180.981.529.656

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. CÔNG TỤ TÀI CHÍNH

1. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 01 tháng 01 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, rủi ro đo thay đổi độ nhạy với lãi suất là không đáng kể.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá tiền tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng tiền tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro tiền tệ của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. CÔNG TỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****1.1. Rủi ro thị trường (Tiếp theo)****Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, TGNH và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau:

	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021	
	Ngoại tệ	VND tương đương	Ngoại tệ	VND tương đương
Tài sản tài chính		128.082.153		251.253.995
Tiền gửi ngân hàng		128.082.153		251.253.995
USD	2.066,66	46.799.172	9.535,69	219.656.285
EUR	2.876,23	73.031.248	791,90	22.120.737
GBP	113,15	3.423.736	119,75	3.719.010
JPY	24.893,00	4.827.997	26.345,00	5.757.963
Nợ phải trả tài chính		53.338.538.738		49.791.612.705
Phải trả người bán		53.338.538.738		49.791.612.705
USD	2.321.940,98	53.218.887.261	1.920.145,48	44.576.177.319
EUR	4.507,27	119.651.477	175.294,76	5.215.435.386

Tại ngày 31/12/2021, nếu đồng Đô la Mỹ tăng hoặc giảm 2% so với đồng Việt Nam không kể các yếu tố khác thì lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hoặc cao hơn một khoản là 1.064.377.745 đồng Việt Nam (53.218.887.261 x 2%) do lãi/lỗ chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng số dư đồng Đô la Mỹ.

Rủi ro về giá

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro nếu yếu tố giá bán thay đổi. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

1.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi Công ty tiến hành trích lập dự phòng nợ khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. CÔNG TỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****1.2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)****Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Quá hạn	
	Không bị suy giảm	Bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
Từ 1 đến 30 ngày	9.044.581.413	-
Từ 31 đến 60 ngày	-	-
Tổng cộng giá trị ghi sổ	9.044.581.413	-
Dự phòng giảm giá trị	-	-
Giá trị thuần	9.044.581.413	-
Ngày 01 tháng 01 năm 2021		
Từ 1 đến 30 ngày	12.980.299.926	-
Từ 31 đến 60 ngày	4.796.373.941	-
Tổng cộng giá trị ghi sổ	17.776.673.867	-
Dự phòng giảm giá trị	-	-
Giá trị thuần	17.776.673.867	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. CÔNG TỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****1.3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do liên quan đến các khoản nợ. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	111.754.250.802	-	-	111.754.250.802
Phải trả người bán	111.294.014.239	-	-	111.294.014.239
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	938.948.801	-	-	938.948.801
	223.987.213.842	-	-	223.987.213.842
Ngày 01 tháng 01 năm 2021				
Các khoản vay và nợ	22.784.780.525	-	-	22.784.780.525
Phải trả người bán	117.208.484.490	-	-	117.208.484.490
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	844.724.157	-	-	844.724.157
	140.837.989.172	-	-	140.837.989.172

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tài sản đảm bảo

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính .

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán upcom được trình bày bằng số lượng cổ phiếu * giá tham chiếu 30 phiên giao dịch gần nhất trước ngày lập Báo cáo tài chính năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. CÔNG TỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Tại 31/12/2021		Tại 01/01/2021		Tại 31/12/2021	Tại 01/01/2021
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính thông qua Báo cáo KQKD	-	-	13.400.000.000	(4.556.000.000)	-	8.844.000.000
- Phải thu khách hàng	192.709.030.656	-	172.510.144.763	-	192.709.030.656	172.510.144.763
- Phải thu khác	2.042.061.392	-	88.700.000	-	2.042.061.392	88.700.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	61.971.518.986	-	55.820.130.138	-	61.971.518.986	55.820.130.138
TỔNG CỘNG	256.722.611.034	-	241.818.974.901	(4.556.000.000)	256.722.611.034	237.262.974.901
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	111.754.250.802	-	22.784.780.525	-	111.754.250.802	22.784.780.525
- Phải trả người bán	111.294.014.239	-	117.208.484.490	-	111.294.014.239	117.208.484.490
- Phải trả khác	805.995.082	-	805.995.082	-	805.995.082	805.995.082
- Nợ phải trả tài chính khác	132.953.719	-	38.729.075	-	132.953.719	38.729.075
TỔNG CỘNG	223.987.213.842	-	140.837.989.172	-	223.987.213.842	140.837.989.172

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không phát sinh.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là các số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Đức Huy

Kế toán trưởng



Liêu Phước Tính

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Minh

Please contact us by the following addresses

**Ho Chi Minh City
Head office**

📍 No. 389A Dien Bien Phu, Ward 4
Dist. 3, Ho Chi Minh City
☎ (+84.28) 3832.9129 (10 lines) 📠 (+84.28) 3834.2957
🌐 www.aisc.com.vn 📧 info@aisc.com.vn

**Da Nang City
Branch**

📍 No. 350 Hai Phong, Chinh Gian Ward
Thanh Khe Dist., Da Nang City

**Ha Noi City
Branch**

📍 Floor 6, No. 36 Hoa Binh 4, Minh Khai Ward
Hai Ba Trung Dist., Ha Noi City
☎ (+84.24) 3782.0046 📠 (+84.24) 3782.0048
🌐 www.aisc.com.vn 📧 hanoi@aisc.com.vn

**Can Tho City
Representative office**

📍 Room 9019, No. A200 Nguyen Hien, An Khazh Ward
Ninh Kieu Dist., Can Tho City